

Số: 745/UBND-KGVX
V/v tinh giản biên chế theo
Nghị định số 154/2025/NĐ-CP
ngày 15/6/2025 của Chính phủ

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2025

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; Văn bản số 12/CV-BCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ hướng dẫn một số nội dung đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Ủy ban nhân dân triển khai việc thực hiện giải quyết chế độ, chính sách như sau:

I. PHẠM VI THỰC HIỆN

Được thực hiện theo Điều 1 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Được thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, trong đó, lưu ý đối với Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tạm thời bố trí vào vị trí hỗ trợ công việc cho hoạt động của hệ thống chính trị của đơn vị hành chính cấp xã mới (cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương) hoặc tham gia các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố **đến trước ngày 31 tháng 5 năm 2026** thì trong thời gian này nếu người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ việc thì thuộc đối tượng áp dụng.

III. CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA XEM XÉT NGHỈ CHÍNH SÁCH

Được thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.

2. Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

IV. CÁCH XÁC ĐỊNH THỜI GIAN VÀ TIỀN LƯƠNG ĐỂ TÍNH HƯỞNG TRỢ CẤP TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

Được thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tiền lương hiện hưởng để tính trợ cấp là tiền lương tháng liền kề trước khi tính giản biên chế, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận của hợp đồng lao động hoặc mức lương của người quản lý công ty; các khoản phụ cấp lương (gồm: phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề) và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

Riêng đối với các trường hợp đang nghỉ việc không hưởng lương, nghỉ hưởng chế độ ốm đau theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề của tháng trước khi nghỉ việc không hưởng lương, nghỉ hưởng chế độ ốm đau nhưng mức lương cơ sở được tính theo mức lương cơ sở của tháng liền kề trước khi tính giản biên chế.

2. Phụ cấp hàng tháng hiện hưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố là phụ cấp của tháng liền kề trước khi nghỉ việc do ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp để chi trả.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở ấp, khu phố thì phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tính trợ cấp là phụ cấp hàng tháng của chức danh hiện hưởng và không tính phụ cấp hàng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

3. Thời điểm được dùng làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh của đối tượng; trường hợp trong hồ sơ của đối tượng không xác định ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh của đối tượng.

4. Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 2 để tính trợ cấp quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã và lực lượng vũ trang nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 17 để tính trợ cấp quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi

việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

5. Thời gian công tác để tính trợ cấp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP là tổng thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở các vị trí việc làm khác.

6. Thời gian công tác để tính trợ cấp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP là tổng thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở các vị trí việc làm khác.

7. Thời gian để tính trợ cấp theo số năm công tác quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

8. Thời gian nghỉ sớm để tính trợ cấp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định này là thời gian kể từ thời điểm nghỉ việc đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

V. CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC HƯỞNG

1. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi: Được thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

2. Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước: Được thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

3. Chính sách thôi việc: Được thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

4. Chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Được thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

5. Chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dời do sắp xếp thôn, tổ dân phố nghỉ ngay kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền: Được thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

VI. QUY TRÌNH XEM XÉT, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố có đơn (theo mẫu) gửi cơ quan, đơn vị đang công tác đề nghị xem xét giải quyết chế độ chính sách.

2. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố tổ chức rà soát tổng thể chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (các cơ quan, tổ chức, đơn vị có quá trình quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố).

4. Tổ chức họp cơ quan, đơn vị để xác định đối tượng phải nghỉ việc. Thành phần gồm: tập thể lãnh đạo, Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp (hoặc cấp ủy nếu không có Ban Thường vụ).

5. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, địa phương lập danh sách, có tờ trình kèm theo danh sách, dự toán kinh phí gửi về Sở Nội vụ (đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khỏi nhà nước, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố) hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khỏi Đảng, đoàn thể).

6. Sau khi thẩm định đối tượng, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có Văn bản đề nghị Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện.

7. Trên cơ sở kết quả thẩm định kinh phí của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố tỉnh giản biên chế.

8. Sau khi có Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và kinh phí do cơ quan tài chính cấp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành quyết định giải quyết chế độ, chính sách, thực hiện cân đối kinh phí, chi trả chế độ, chính sách cho các đối tượng theo thẩm quyền.

VII. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

1. Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố (nêu rõ đối tượng, lý do...); danh sách và dự toán kinh phí thực hiện (theo mẫu).

2. Đơn xin giải quyết chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố trong đó nêu rõ lý do, thời điểm, nghỉ theo đối tượng nào.

3. Biên bản họp xét của tập thể lãnh đạo, cấp ủy cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố (theo mẫu).

4. Tài liệu chứng minh thuộc diện tinh giản biên chế theo từng nhóm đối tượng tại Điều 2 Nghị định 154/2025/NĐ-CP.

5. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, hợp đồng lao động, điều động, xếp lương, nâng lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp; các quyết định phụ cấp gần nhất...;

6. Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (có ý kiến xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tính đến thời điểm lập hồ sơ) hoặc hồ sơ chứng minh quá trình công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố.

7. Các văn bản, tài liệu khác chứng minh đối tượng đủ điều kiện giải quyết chế độ, chính sách (nếu có).

VIII. THỜI GIAN GỬI HỒ SƠ NGHỈ VIỆC DO SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Đối với hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố khối Nhà nước: Gửi hồ sơ về Sở Nội vụ trước **tối thiểu 15 ngày làm việc** tính đến thời điểm nghỉ chính sách.

Đối với hồ sơ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố xin nghỉ từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: Gửi hồ sơ về Sở Nội vụ trước trước ngày 15 tháng 7 năm 2025.

2. Đối với hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khối Đảng: Gửi hồ sơ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH; NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH; CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG

1. Giao Giám đốc các Sở, ban, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp các xã:

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền đầy đủ các nội dung theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động,

người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Chịu trách nhiệm về việc đề xuất thực hiện chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền và trước pháp luật đối với toàn bộ thành phần hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP: phải đầy đủ hồ sơ theo mục VII Văn bản này; lương tháng hiện hưởng để tính hưởng trợ cấp phải khớp, đúng với bảng lương thực nhận của đối tượng; xác nhận tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Giao Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện rà soát, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối tượng hưởng chính sách, chế độ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khối nhà nước và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP theo quy định.

- Chủ động, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính thẩm định kinh phí giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng đảm bảo điều kiện theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

- Kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức, thực hiện nếu có hướng dẫn bổ sung của cơ quan có thẩm quyền cấp trên.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nội vụ tình hình, kết quả thực hiện theo quy định.

3. Giao Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ thẩm định kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố nghỉ chính sách theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh thẩm định kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức,

người lao động khỏi Đảng nghỉ chính sách theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

- Thực hiện cấp phát kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

4. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho các đối tượng theo quy định của pháp luật và chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn thủ tục và phối hợp xác nhận về tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố.

- Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các cấp trong việc phối hợp các cơ quan, đơn vị giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và hướng dẫn thủ tục, phối hợp xác nhận về tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố.

UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

(Phuongttb)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp xét đối tượng tình giảm biên chế năm

I. Thời gian

Vào lúc ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm

II. Địa điểm

Tại:

III. Thành phần

1. Ban Thường vụ cấp ủy (hoặc cấp ủy nếu không có Ban Thường vụ) - Chủ trì;
2. Tập thể Lãnh đạo cơ quan, đơn vị - Phối hợp chủ trì;
3. Lãnh đạo phòng, ban sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố.
4. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố xin nghỉ việc;
5. Thư ký;
6. Cá nhân, tổ chức có liên quan.

IV. Nội dung

1. Chủ tọa triển khai nội dung cuộc họp

- Cơ quan, đơn vị tổ chức họp để triển khai nội dung tình giảm biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố.
- Thông qua nội dung Đơn xin tự nguyện nghỉ việc (đối với các trường hợp tự nguyện) và văn bản đánh giá có liên quan.

2. Ý kiến

(Thành phần tham dự họp có ý kiến)

V. Kết luận

Chủ trì cuộc họp kết luận

(thống nhất các nội dung trao đổi, thảo luận; thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố nghỉ việc; nội dung công việc cần thực hiện (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN TỰ NGUYỆN XIN NGHỈ

Theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ

Kính gửi:

Tôi tên:

Sinh ngày:

Quê quán:

Hiện đang cư trú tại:

Chức vụ, chức danh, nghề nghiệp:

Đơn vị công tác:

Số sổ Bảo hiểm xã hội:

Tổng số thời gian đóng Bảo hiểm xã hội:nămtháng

Sau khi nghiên cứu Luật Bảo hiểm xã hội, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế;

Tôi làm đơn này kính gửi xem xét, chấp thuận cho tôi được nghỉ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thời gian nghỉ: từ ngày ... tháng ... năm

Lý do:

Kính mong xem xét, chấp thuận cho tôi được nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm với nội dung đơn này, không có kiến nghị, phản ánh về sau.

XÁC NHẬN
CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

BẢNG TÍNH CHÍNH SÁCH CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, ÁP, KHU PHỐ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chính sách được hưởng		Ngày, tháng, năm sinh		Hệ số lương, phụ cấp hiện hưởng										Lương hiện hưởng	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Thời điểm công tác có đóng BHXH hoặc thời gian công tác ở người hoạt động không chuyên trách	Thời gian không tham gia BHXH			Tổng số năm công tác có đóng BHXH hoặc thời gian công tác ở người hoạt động không chuyên trách			Số năm/tháng nghỉ hưu trước tuổi			Dự toán kinh phí thực hiện (đơn vị sử dụng lao động)	Lý do thực hiện chính sách	
							Nghỉ hưu trước tuổi	Thời việc	Nam	Nữ	Hệ số lương, phụ cấp	PC chức vụ	PC thâm niên VK	PC thâm niên nghề	PC mất theo nghề (nếu có)	PC trách nhiệm nghề nghiệp					PC công tác đoàn thể chính trị xã	PC công tác đảng (30%)	PC công vụ (25%)	Tổng công tác hệ số	Từ tháng	Đến tháng	Thời gian không tham gia BHXH	Số năm công tác quy định	Làm tròn năm theo quy định			Số năm tháng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
1																																
2																																
3																																
4																																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)